

Bản án số: 07/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 15 – 6 - 2020.

“V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG P, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 367/45 quốc l, khóm 1, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 32/2, đường Đặng Quang M, ấp 2, thị trấn L, huyện Long Ph, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Vào năm 2018, ông và bà N có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 09/2019 cho đến nay. Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 ông yêu cầu được ly hôn với bà N nhưng

xét thấy ông và bà N không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà N là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống, ông và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/02/2020 ông có yêu cầu chia số tài sản chung là 01 chỉ vàng 24kara. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay ông xin rút yêu cầu này và xác định giữa ông và bà N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/6/2020 bà Phan Thị N trình bày:

Về thời gian, thủ tục kết hôn giống như lời trình bày của ông D. Bà và ông D có tổ chức đám cưới vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, cha mẹ bên chồng khó khăn, từ đó hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 09/2019 cho đến nay. Nay bà đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D là không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Thanh D và bà là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Thanh D không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N là vợ chồng.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N xác định trong thời gian chung sống không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu chia đôi số tài sản là 01 chỉ vàng 24kara.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Phan Thị N vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị N.

[2] Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh D yêu cầu được rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 chỉ vàng 24kara. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với những yêu cầu được rút của ông Nguyễn Thanh D.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà Phan Thị N là vợ chồng; Bà Phan Thị N đồng ý không công nhận mối quan hệ của bà và ông D là vợ chồng. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đối chiếu với Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình nên pháp luật không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N là hợp pháp. Bên cạnh đó, trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N xác định trong thời gian chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Đình chỉ xét xử của đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thanh D về việc chia đôi số tài sản là 01 chỉ vàng 24kara.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003615 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú. Như vậy, ông Nguyễn Thanh D được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Phan Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA

